VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1066/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 03 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổng biên chế công chức năm 2020 của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (không bao gồm biên

chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; biên chế công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập và cán bộ, công chức cấp xã), biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước và biên chế công chức dự phòng là 253.517 biên chế. Cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước: 251.135 biên chế, trong đó:

a) Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập: 108.368 biên chế.

b) Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 142.767 biên chế.

2. Các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài: 1.068 biên chế.

3.Tổng biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước: 686 biên chế.

4. Biên chế công chức dự phòng: 628 biên chế.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

1. Giao biên chế công chức đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong số biên chế công chức quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Giao biên chế công chức đối với từng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong tổng số biên chế công chức quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

3. Giao biên chế đối với từng Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước trong tổng biên chế quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sử dụng biên chế công chức dự phòng quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện điều chuyển, sắp xếp trong tổng biên chế được giao tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này khi thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2020 CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, TỔ CHỨC DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP MÀ KHÔNG PHẢI LÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Bộ, ngành	Biên chế năm 2020
1	Bộ Ngoại giao	1.186
2	Bộ Nội vụ	591
3	Bộ Tư pháp	9.709
4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6.184
5	Bộ Tài chính	67.802
6	Bộ Công Thương	6.559
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.897
8	Bộ Giao thông vận tải	1.854
9	Bộ Xây dựng	364
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.157
11	Bộ Thông tin và Truyền thông	701
12	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	695
13	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	805
14	Bộ Khoa học và Công nghệ	652
15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	550
16	Bộ Y tế	824
17	Ủy ban dân tộc	247
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5.257
19	Thanh tra Chính phủ	414
20	Văn phòng Chính phủ	722
21	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	21
22	Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia	77
23	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	100
	Tổng cộng	**108.368**

Phụ lục II
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2020 CỦA CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Biên chế năm 2020
1	TP. Hà Nội	8.042
2	TP. Hồ Chí Minh	7.227
3	TP. Hải Phòng	2.913
4	TP. Đà Nẵng	1.814
5	TP. Cần Thơ	1.896
6	Hải Dương	1.878
7	Hưng Yên	1.675
8	Thái Bình	1.849
9	Nam Định	2.055
10	Hà Nam	1.266
11	Ninh Bình	1.563
12	Vĩnh Phúc	1.607
13	Bắc Ninh	1.483
14	Hà Giang	2.137
15	Cao Bằng	2.101
16	Lạng Sơn	2.083
17	Lào Cai	2.307
18	Điện Biên	2.087
19	Lai Châu	1.893
20	Yên Bái	1.995
21	Bắc Kạn	1.506
22	Tuyên Quang	1.788
23	Phú Thọ	2.129
24	Sơn La	2.340
25	Hoà Bình	2.084
26	Thái Nguyên	1.965
27	Quảng Ninh	2.392
28	Bắc Giang	2.001
29	Thanh Hoá	3.746
30	Nghệ An	3.359

31	Hà Tĩnh	2.294
32	Quảng Bình	1.761
33	Quảng Trị	1.783
34	Thừa Thiên Huế	2.016
35	Phú Yên	1.905
36	Quảng Nam	3.195
37	Quảng Ngãi	2.044
38	Bình Định	2.230
39	Khánh Hoà	1.926
40	Ninh Thuận	1.674
41	Bình Thuận	2.064
42	Gia Lai	2.712
43	Kon Tum	1.955
44	Đắc Nông	1.944
45	Lâm Đồng	2.540
46	Đắk Lắk	3.017
47	Bình Dương	1.731
48	Bình Phước	1.832
49	Tây Ninh	1.818
50	Đồng Nai	3.078
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.067
52	Long An	2.324
53	Đồng Tháp	2.384
54	An Giang	2.503
55	Tiền Giang	2.034
56	Bến Tre	1.790
57	Vĩnh Long	1.689
58	Trà Vinh	1.665
59	Hậu Giang	1.489
60	Sóc Trăng	1.905
61	Kiên Giang	2.525
62	Cà Mau	2.054
63	Bạc Liêu	1.638
	Tổng cộng	**142.767**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng